

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 12 - 2020

V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ngọc Minh

- Bà Lê Thị Hường

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST, ngày 16-11-2020.

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Đình T, sinh năm: 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố x, Phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Ông T, bà T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, về chung sống và có đến UBND thị trấn P đăng ký kết hôn năm 2013; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng tháng 6 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính nhau hay xảy ra cãi vã và sống ly thân cho đến nay.

Nay ông T xét thấy tình cảm giữa ông với bà T không còn ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 10-02-2017 hiện con chung ông T, bà T đang chăm sóc, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng (Công an tỉnh Ninh Thuận).

Bị đơn Thanh trình bày: Bà với ông T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận, về chung sống và có đến UBND thị trấn P đăng ký kết hôn năm 2013; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng tháng 6 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không cho bà đi làm nên hay xảy ra cãi vã và sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay.

Mặc dù ông T, bà T sống chung một nhà, nhưng mạnh ai nấy sống không có trách nhiệm với nhau, không quan tâm đến nhau; ông T làm đơn ly hôn bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 10-02-2017 hiện con chung ông T, bà T đang chăm sóc; bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông T được ly hôn bà T, giao bà T nuôi 01 con chung; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Thanh không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, nuôi con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Ông Trịnh Đình T, bà Trần Thị Kim T tự tìm hiểu chung sống với nhau năm 2013 có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng tháng 6 năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách với nhau, tình cảm lạnh nhạt sống ly thân.

Mặc dù còn sống chung một nhà, nhưng mạnh ai nấy sống không có trách nhiệm với nhau, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà T cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông T xin ly hôn bà T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Việc này phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

[5] Về con chung: Có 01 đứa con chung tên Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 10-02-2017 hiện con chung ông T, bà T đang chăm sóc; bà T, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, hai bên không ai yêu cầu cấp dưỡng.

Nhưng xét thấy cháu A hiện nay còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ và hơn nữa về điều kiện chăm sóc bà T có điều kiện hơn, bà T là nhân viên Viettel làm việc giờ hành chính; còn ông T công tác Công an tỉnh Ninh Thuận thường đi làm nhiệm vụ nên điều kiện chăm sóc con không thuận tiện bằng bà T hơn nữa cháu A còn nhỏ, là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ.

Vì vậy Hội đồng xét xử, xử giao cho bà T chăm sóc cháu Trịnh Quỳnh A là có căn cứ.

[6] Về cấp dưỡng; Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ông Thiện là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trịnh Đình T, ông Trịnh Đình T được ly hôn bà Trần Thị Kim T.

Về con chung: Buộc ông Trịnh Đình T giao cho bà Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi 01 con chung tên Trịnh Quỳnh A, sinh ngày 10-02-2017.

Về cấp dưỡng: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Thị Kim T là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trịnh Đình T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Buộc ông Trịnh Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0025305 ngày 14-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt. Báo cho những người có mặt biết quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hường; Phạm Ngọc Minh

Đoàn Sứ

- Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND T.T Phước Dân (để biết);
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu.

Đoàn Sửu

